

Số: 922/QĐ-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp đại học
hình thức đào tạo chính quy cho sinh viên Khoa Du lịch khóa 2014 -2018

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp Đại học, hệ chính quy của Khoa Du lịch;

Xét đề nghị của Khoa trưởng Khoa Du lịch – Đại học Huế, Quyền Trưởng Ban Đào tạo – Đại học Huế, Trưởng Ban Công tác học sinh, sinh viên – Đại học Huế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học, hình thức đào tạo chính quy, cho 339 (ba trăm ba mươi chín) sinh viên có tên trong danh sách đính kèm Quyết định này, trong đó:

- Khoá 2012 – 2016: 03 sinh viên;
- Khoá 2013 – 2017: 21 sinh viên;
- Khoá 2014 – 2018: 315 sinh viên.

Điều 2. Chánh Văn phòng, Quyền Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Công tác học sinh-sinh viên, Khoa trưởng Khoa Du lịch và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, Ban ĐT, KDL.



Nguyễn Quang Linh

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA DU LỊCH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY NĂM HỌC 2017 - 2018**

Kèm theo Quyết định số: 922/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Giám đốc Đại học Huế

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
-----	-----------	-----------	-----------	----------	-----------------	----------	---------

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Tổ chức và quản lý sự kiện), khóa 2012 - 2016

1	Nguyễn Hoàng Ri Na	02/10/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.61	Khá	
---	--------------------	------------	----	----------------	------	-----	--

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị quan hệ công chúng), khóa 2012 - 2016

1	Vikhamsao Hathaphom	30/09/1993	Nam	Lào	2.13	Trung bình	
---	---------------------	------------	-----	-----	------	------------	--

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Thương mại điện tử), khóa 2012 - 2016

1	Nguyễn Tuấn Vũ	03/03/1994	Nam	Thừa Thiên Huế	2.18	Trung bình	
---	----------------	------------	-----	----------------	------	------------	--

Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch), khóa 2013 - 2017

1	Nguyễn Hữu Dũng	27/01/1995	Nam	Thừa Thiên Huế	2.46	Trung bình	
2	Phạm Thị Như Quỳnh	01/01/1995	Nữ	Quảng Nam	2.99	Khá	
3	Nguyễn Thảo Linh	06/01/1994	Nữ	Quảng Trị	2.82	Khá	
4	Lê Hoàng Phú	19/11/1995	Nam	Thừa Thiên Huế	2.81	Khá	
5	Phan Thị Thu Thúy	02/12/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.79	Khá	

Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chuyên ngành Quản lý lữ hành), khóa 2013 - 2017

1	Nguyễn Hoàng Thảo Tiên	05/05/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.43	Trung bình	
2	Diệp Thị Thiên Trang	12/05/1994	Nữ	Quảng Bình	2.88	Khá	

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch), khóa 2013 - 2017

1	Đặng Thị Cẩm Giao	15/07/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.85	Khá	
2	Đỗ Nguyễn Tường Vi	22/07/1995	Nữ	Quảng Nam	3.21	Giỏi	
3	Lê Thị Bến	01/09/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.24	Giỏi	

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Truyền thông và Marketing du lịch dịch vụ), khóa 2013 - 2017

1	Nguyễn Huy Hoàng	27/12/1994	Nam	Thừa Thiên Huế	2.69	Khá	
---	------------------	------------	-----	----------------	------	-----	--

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị quan hệ công chúng), khóa 2013 - 2017

1	Dương Công Thế Hùng	27/05/1995	Nam	Thừa Thiên Huế	2.02	Trung bình	
2	Nguyễn Thanh Thủy	27/02/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.37	Trung bình	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
3	Nguyễn Thị	Ty	16/04/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.59	Khá	
4	Nguyễn Võ Kim	Anh	24/02/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.16	Trung bình	

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Thương mại điện tử du lịch dịch vụ), khóa 2013 - 2017

1	Tôn Nữ Khánh	Nhi	12/09/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.51	Khá	
2	Trần Thị Ngọc	Oanh	02/11/1995	Nữ	Quảng Trị	2.59	Khá	
3	Nguyễn Thanh Phú	Cường	26/05/1995	Nam	Thừa Thiên Huế	2.63	Khá	
4	Hà Thái Hồng	Diệu	17/10/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.59	Khá	
5	Trần Thị	Hạnh	07/10/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.51	Khá	
6	Lương Phan Minh	Quý	08/12/1995	Nam	Thừa Thiên Huế	2.46	Trung bình	

Ngành Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế du lịch), khóa 2014 -2018

1	Trần Thị Thu	Hà	05/10/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.32	Giỏi	
2	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	20/12/1995	Nữ	Quảng Trị	2.91	Khá	
3	Nguyễn Thị Nô	Hên	31/12/1995	Nữ	Quảng Nam	3.16	Khá	
4	Trần Thị Mỹ	Linh	16/08/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.65	Khá	
5	Nguyễn Thị Khánh	Ly	23/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.60	Khá	
6	Trần Nguyễn My	My	12/02/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.59	Khá	
7	Hồ Thị Kim	Nam	18/01/1996	Nữ	Đà Nẵng	2.97	Khá	
8	Trần Thị Thúy	Nga	11/12/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.88	Khá	
9	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	28/08/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.27	Giỏi	
10	Võ Thị Bảo	Ngân	11/03/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.65	Khá	
11	Đoàn Thị Cẩm	Nhàn	19/02/1995	Nữ	Quảng Trị	2.78	Khá	
12	Lê Quang Thành	Nhân	03/05/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	2.64	Khá	
13	Hoàng Thị Lan	Nhi	17/12/1996	Nữ	Hà Tĩnh	3.00	Khá	
14	Đỗ Thị Hồng	Nhung	30/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.91	Khá	
15	Phan Trần Nhật	Nhung	17/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.72	Khá	
16	Lê Thị Hoài	Phương	31/05/1996	Nữ	Quảng Nam	2.59	Khá	
17	Nguyễn Thị	Phượng	24/06/1995	Nữ	Quảng Nam	2.63	Khá	
18	Võ Thị Hồng	Thắm	14/12/1996	Nữ	Quảng Nam	2.98	Khá	
19	Đặng Thị Thu	Thúy	12/01/1996	Nữ	Quảng Ngãi	2.53	Khá	
20	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	22/12/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.66	Khá	

Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch), khóa 2014 - 2018

1	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	02/09/1995	Nữ	Quảng Nam	2.91	Khá	
2	Lê Thị Mỹ	Dung	03/08/1996	Nữ	Quảng Nam	3.23	Giỏi	
3	Phan Thị	Diễm	25/12/1996	Nữ	Quảng Nam	2.83	Khá	
4	Cao Thị Kim	Đồng	01/03/1996	Nữ	Quảng Nam	3.20	Giỏi	
5	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/07/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.61	Khá	
6	Phạm Thị	Hà	25/09/1996	Nữ	Quảng Nam	2.93	Khá	
7	Đoàn Nữ Ly	Hạnh	23/11/1996	Nữ	Quảng Bình	3.17	Khá	
8	Nguyễn Thị Thu	Hoài	09/03/1996	Nữ	Quảng Nam	3.03	Khá	
9	Hà Thị	Huyền	10/04/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.47	Trung bình	
10	Lâm Công	Khánh	10/03/1995	Nam	Quảng Trị	3.02	Khá	
11	Đinh Thị	Kiên	15/09/1996	Nữ	Quảng Bình	2.80	Khá	
12	Phan Thị	Kiều	20/11/1996	Nữ	Quảng Nam	2.79	Khá	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
13	Trần Ngọc	Linh	22/01/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.53	Khá	
14	Nguyễn Thanh	Long	02/12/1996	Nam	Quảng Nam	3.16	Khá	
15	Nguyễn Ngọc	Mẫn	05/12/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	2.90	Khá	
16	Huỳnh Thị Kim	Ngân	10/03/1996	Nữ	Quảng Nam	2.79	Khá	
17	Mai Thị Ngọc	Nhung	13/05/1996	Nữ	Quảng Bình	3.60	Xuất sắc	
18	Nguyễn Thị Trà	Ny	01/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.92	Khá	
19	Nguyễn Văn	Phùng	12/08/1996	Nam	Quảng Bình	2.79	Khá	
20	Mai	Son	10/05/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	3.30	Giỏi	
21	Hoàng Thị	Tâm	29/12/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.50	Giỏi	
22	Hồ Đình	Tâm	01/05/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	2.64	Khá	
23	Bùi Đình	Thành	20/08/1995	Nam	Đắk Lắk	2.81	Khá	
24	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.64	Khá	
25	Thân Đình	Thắng	20/01/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	2.70	Khá	
26	Bùi Thị	Thúy	06/02/1996	Nữ	Đắk Lắk	3.34	Giỏi	
27	Nguyễn Thị Thu	Thùy	10/12/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.66	Khá	
28	Nguyễn Nhật Thảo	Tiên	11/11/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.90	Khá	
29	Hoàng Thị Thuý	Trang	11/08/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.17	Khá	
30	Nguyễn Thị Thùy	Trang	14/08/1996	Nữ	Quảng Nam	3.36	Giỏi	
31	Trương Thị Bích	Trâm	05/11/1996	Nữ	Quảng Trị	3.34	Giỏi	
32	Lê Huy	Trực	09/06/1996	Nam	Quảng Nam	2.63	Khá	
33	Lý Công	Uân	12/10/1996	Nam	Bắc Giang	2.82	Khá	
34	Nguyễn Thị Như	Ý	02/06/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.52	Khá	

Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tại Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị
(Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch), khóa 2014 - 2018

1	Lê Thị Thúy	An	07/10/1996	Nữ	Quảng Trị	3.17	Khá	
2	Lê Hoàng	Anh	10/10/1996	Nữ	Nghệ An	2.67	Khá	
3	Đoàn Thị Như	Cầm	17/07/1995	Nữ	Quảng Bình	2.85	Khá	
4	Hà Thị Giáng	Châu	15/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.14	Khá	
5	Hoàng Thị Thùy	Dung	01/01/1996	Nữ	Quảng Nam	2.85	Khá	
6	Nguyễn Thị	Giang	20/10/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.95	Khá	
7	Nguyễn Thị Ngân	Hà	17/05/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.83	Khá	
8	Trần Thị	Hải	10/05/1996	Nữ	Quảng Nam	3.09	Khá	
9	Đinh Thị Thuý	Hằng	05/11/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.86	Khá	
10	Nguyễn Thị	Hằng	05/10/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.97	Khá	
11	Nguyễn Thị	Hoa	21/07/1996	Nữ	Quảng Bình	2.93	Khá	
12	Nguyễn Thị	Huệ	27/10/1996	Nữ	Quảng Nam	3.11	Khá	
13	Nguyễn Thị	Lài	10/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.2	Giỏi	
14	Trần Thị	Lành	30/08/1995	Nữ	Quảng Trị	3.1	Khá	
15	Dương Thị	Lựu	29/03/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.04	Khá	
16	Nguyễn Thị	Lựu	02/01/1996	Nữ	Đà Nẵng	2.92	Khá	
17	Hồ Thị Phương	Ly	11/07/1996	Nữ	Quảng Trị	3.16	Khá	
18	Nguyễn Thị	Mến	10/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.03	Khá	
19	Hồ Thị Xuân	Mơ	10/01/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.98	Khá	
20	Dương Thị Lê	Na	23/10/1996	Nữ	Quảng Trị	3.37	Giỏi	
21	Trần Thị Thanh	Ngân	01/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.95	Khá	
22	Nguyễn Thị	Ny	20/09/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.97	Khá	
23	Trần Thị Ái	Phi	11/09/1996	Nữ	Quảng Nam	3.24	Giỏi	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
24	Lê Thị Thu	Sương	22/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.22	Giỏi	
25	Bùi Thị Ngọc	Thúy	21/06/1996	Nữ	Quảng Bình	2.88	Khá	
26	Hoàng Thị Hoài	Thương	11/05/1996	Nữ	Đà Nẵng	3	Khá	
27	Lê Thị	Thương	19/09/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.79	Khá	
28	Nguyễn Thị	Trang	20/10/1996	Nữ	Quảng Nam	3.19	Khá	
29	Nguyễn Thuỳ Ngọc	Trâm	24/04/1996	Nữ	Đà Nẵng	3.35	Giỏi	
30	Nguyễn Thị Cẩm	Xuyên	15/11/1996	Nữ	Quảng Nam	3.34	Giỏi	
31	Võ Văn	Mẫn	11/05/1996	Nam	Quảng Nam	2.6	Khá	

Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chuyên ngành Quản lý lữ hành), khóa 2014 - 2018

1	Lê Thị	Ánh	26/04/1996	Nữ	Nghệ An	3.45	Giỏi	
2	Lê Ngọc	Chí	05/01/1996	Nam	Quảng Bình	2.90	Khá	
3	Văn Thị Thanh	Diệu	13/10/1996	Nữ	Quảng Trị	3.50	Giỏi	
4	Hoàng Thị Thuỳ	Dung	28/05/1996	Nữ	Đà Nẵng	2.95	Khá	
5	Nguyễn Thị Kim	Dung	24/08/1996	Nữ	Hà Tĩnh	3.04	Khá	
6	Nguyễn Thị Phương	Dung	03/09/1996	Nữ	Quảng Nam	3.30	Giỏi	
7	Trần Thị	Duyên	12/12/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.71	Khá	
8	Tạ Linh	Giang	14/12/1996	Nữ	Nghệ An	3.36	Giỏi	
9	Trương Thị	Hạnh	11/06/1996	Nữ	Quảng Nam	2.65	Khá	
10	Dương Thị	Hằng	01/02/1996	Nữ	Quảng Bình	2.38	Trung bình	
11	Đinh Thị	Hằng	03/03/1996	Nữ	Nghệ An	3.32	Giỏi	
12	Hồ Thị	Hằng	20/05/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.09	Khá	
13	Lê Thị	Hằng	07/03/1996	Nữ	Quảng Bình	3.09	Khá	
14	Đặng Thị Thúy	Hiền	29/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.70	Xuất sắc	
15	Lê Thị Thu	Hiền	15/02/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.71	Khá	
16	Nguyễn Thị	Hiền	15/08/1996	Nữ	Đà Nẵng	3.54	Giỏi	
17	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	10/12/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.61	Khá	
18	Giản Thị	Hoa	14/07/1996	Nữ	Nghệ An	3.05	Khá	
19	Nguyễn Thị	Hoà	20/10/1996	Nữ	Bình Định	2.97	Khá	
20	Hà Thị Nhật	Hoàng	04/12/1995	Nữ	Quảng Trị	3.27	Giỏi	
21	Hoàng Thị	Huệ	19/02/1996	Nữ	Đắk Lắk	3.65	Xuất sắc	
22	Nguyễn Thị Thanh	Hương	18/10/1996	Nữ	Quảng Nam	3.30	Giỏi	
23	Lê Thị Mạnh	Khuong	27/06/1996	Nữ	Quảng Nam	2.82	Khá	
24	Đinh Thị	Lệ	10/11/1996	Nữ	Gia Lai	2.96	Khá	
25	Lê Thị	Loan	27/10/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.92	Khá	
26	Hạ Thị Như	Ly	27/09/1996	Nữ	Quảng Ngãi	2.72	Khá	
27	Nguyễn Thị Thu	Ly	22/07/1996	Nữ	Quảng Nam	3.38	Giỏi	
28	Đinh Thị	Mỹ	23/03/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.62	Xuất sắc	
29	Hoàng Thị	Na	28/02/1996	Nữ	Quảng Bình	2.60	Khá	
30	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/09/1996	Nữ	Quảng Trị	2.72	Khá	
31	Lê Thị Như	Ngọc	14/06/1996	Nữ	Quảng Trị	2.64	Khá	
32	Mai Thị	Nguyệt	01/08/1995	Nữ	Thanh Hóa	2.39	Trung bình	
33	Nguyễn Thị Kim	Nguyệt	20/06/1996	Nữ	Quảng Nam	2.51	Khá	
34	Trần Thị Quỳnh	Nhâm	13/06/1996	Nữ	Hà Tĩnh	3.30	Giỏi	
35	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	17/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.67	Xuất sắc	
36	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	29/07/1996	Nữ	Đắk Lắk	3.38	Giỏi	
37	Nguyễn Văn Anh	Phúc	03/11/1996	Nam	Quảng Nam	3.51	Giỏi	
38	Phạm Thị	Phúc	19/04/1996	Nữ	Quảng Nam	3.43	Giỏi	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
39	Lê Thị	Quỳnh	09/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.83	Khá	
40	Hoàng Thị Kiều	Sa	27/07/1996	Nữ	Quảng Trị	3.08	Khá	
41	Huỳnh Thị Ngọc	Thanh	17/09/1996	Nữ	Quảng Nam	2.57	Khá	
42	Huỳnh Thị	Thảo	05/05/1996	Nữ	Đắk Lắk	3.17	Khá	
43	Lê Dạ	Thảo	20/09/1996	Nữ	Quảng Nam	2.95	Khá	
44	Phan Thị	Thắm	13/11/1996	Nữ	Quảng Bình	2.63	Khá	
45	Phan Thị Hồng	Thắm	03/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.29	Giỏi	
46	Phạm Thị Mộng	Thu	07/08/1995	Nữ	Quảng Nam	2.83	Khá	
47	Hồ Thị	Thúy	17/05/1995	Nữ	Hà Tĩnh	2.57	Khá	
48	Đặng Thị	Thùy	21/08/1996	Nữ	Quảng Trị	2.81	Khá	
49	Kiều Thị	Thùy	23/11/1995	Nữ	Quảng Nam	3.05	Khá	
50	Nguyễn Thị Hồng	Thương	07/09/1996	Nữ	Quảng Nam	3.16	Khá	
51	Trần Thị	Tinh	23/10/1996	Nữ	Nghệ An	3.03	Khá	
52	Trần Thị	Tinh	15/04/1996	Nữ	Nghệ An	3.30	Giỏi	
53	Đoàn Thị	Trang	18/07/1996	Nữ	Thanh Hóa	2.40	Trung bình	
54	Dương Thị Nhã	Trâm	01/08/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.63	Xuất sắc	
55	Trần Thị	Trinh	26/02/1996	Nữ	Đà Nẵng	3.00	Khá	
56	Hoàng Thị Ánh	Tuyết	28/09/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.02	Khá	
57	Nguyễn Thị Lương	Uyên	11/07/1996	Nữ	Quảng Nam	2.70	Khá	
58	Đặng Ngọc	Việt	02/01/1996	Nam	Gia Lai	2.97	Khá	
59	Nguyễn Thị Thúy	Vui	06/06/1996	Nữ	Quảng Nam	3.43	Giỏi	
60	Mai Thị Hà	Vy	26/02/1996	Nữ	Đà Nẵng	2.76	Khá	
61	Lại Thị Như	Ý	12/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.52	Giỏi	
62	Phan Thị Như	Ý	12/08/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.07	Khá	
63	Võ Thị Thanh	Bình	01/01/1995	Nữ	Quảng Nam	3.07	Khá	
64	Trần Thị Thảo	Vy	06/10/1996	Nữ	Quảng Nam	2.67	Khá	
65	Hồ Nhật	Anh	01/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.12	Khá	
66	Lê Thị Vân	Anh	07/01/1996	Nữ	Đà Nẵng	3.58	Giỏi	
67	Dương Thị	Ánh	14/09/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.37	Giỏi	
68	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	11/02/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.66	Khá	
69	Lê Thị Kim	Chi	06/08/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.37	Giỏi	
70	Trần Thị	Chuyên	10/09/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.80	Khá	
71	Nguyễn Thùy	Dung	20/08/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.62	Xuất sắc	
72	Ngô Thị	Duyên	11/03/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.68	Khá	
73	Ngô Thị Hương	Giang	12/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.02	Khá	
74	Trần Thị	Hào	26/09/1996	Nữ	Quảng Bình	3.25	Giỏi	
75	Nguyễn Thị	Hạnh	20/11/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.70	Khá	
76	Phạm Thị Hồng	Hạnh	11/08/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.15	Khá	
77	Đinh Thị	Hiếu	07/12/1996	Nữ	Quảng Nam	2.88	Khá	
78	Phạm Thị	Hoan	14/09/1996	Nữ	Quảng Bình	2.86	Khá	
79	Hồ Thị Ngọc	Hương	20/11/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.93	Khá	
80	Phạm Thị	Hường	20/08/1996	Nữ	Thanh Hóa	3.17	Khá	
81	Nguyễn Thị	Lan	12/07/1996	Nữ	Nghệ An	3.13	Khá	
82	Nguyễn Thị	Liên	22/09/1996	Nữ	Hà Tĩnh	2.81	Khá	
83	Huỳnh Thảo Hoài	Linh	06/04/1996	Nữ	Đà Nẵng	3.28	Giỏi	
84	Nguyễn Thị Hoài	Linh	04/12/1996	Nữ	Đà Nẵng	3.34	Giỏi	
85	Trần Thị Khánh	Linh	15/02/1996	Nữ	Quảng Trị	2.91	Khá	
86	Nguyễn Thị Ánh	Màu	30/09/1996	Nữ	Quảng Trị	2.79	Khá	
87	Hồ Thị	Mùi	02/01/1996	Nữ	Nghệ An	2.63	Khá	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
88	Lê Thị	My	12/05/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.04	Khá	
89	Trần Thị Quốc	Mỹ	08/09/1996	Nữ	Quảng Nam	3.07	Khá	
90	Nguyễn Thị	Năm	16/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.82	Khá	
91	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	15/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.87	Khá	
92	Nguyễn Trần Thị Bích	Ngọc	19/11/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.57	Giỏi	
93	Đỗ Thị Bảo	Nhi	29/02/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.98	Khá	
94	Lưu Thị Kim	Phuong	01/01/1996	Nữ	Quảng Nam	2.66	Khá	
95	Phạm Thị Mỹ	Phuong	25/11/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.10	Khá	
96	Nguyễn Như	Quỳnh	01/02/1996	Nữ	Quảng Ngãi	3.12	Khá	
97	Phạm Đình	Sang	02/11/1994	Nam	Quảng Bình	2.60	Khá	
98	Lê Thị	Sen	02/02/1996	Nữ	Nghệ An	2.84	Khá	
99	Mai Thị Phương	Thảo	17/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.00	Khá	
100	Nguyễn Thị Phương	Thảo	30/01/1996	Nữ	Quảng Trị	2.60	Khá	
101	Nguyễn Văn	Thảo	20/09/1996	Nữ	Khánh Hòa	3.62	Xuất sắc	
102	Trần Thị Thanh	Thúy	09/07/1996	Nữ	Quảng Ngãi	2.87	Khá	
103	Hà Thị	Thương	10/11/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.92	Khá	
104	Nguyễn Đình Quốc	Tiến	18/02/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	3.37	Giỏi	
105	Nguyễn Phạm Nam	Tiến	28/10/1996	Nam	Quảng Nam	2.55	Khá	
106	Dương Huyền	Trang	06/11/1996	Nữ	Quảng Bình	3.01	Khá	
107	Phan Thị	Trà	13/12/1996	Nữ	Hà Tĩnh	3.22	Giỏi	
108	Nguyễn Ngọc	Trí	11/04/1995	Nam	Thừa Thiên Huế	3.54	Giỏi	
109	Nguyễn Thế	Tuyền	16/10/1995	Nam	Quảng Bình	2.71	Khá	
110	Nguyễn Thị	Vân	15/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.27	Giỏi	
111	Nguyễn Thị Tâm	Xuân	24/02/1996	Nữ	Quảng Trị	3.00	Khá	
112	Nguyễn Thị Kiều	Hương	27/11/1996	Nữ	Quảng Nam	3.03	Khá	

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch), khóa 2014 - 2018

1	Hồng Thị Kim	Anh	15/08/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.79	Khá	
2	Dương Thị Ngọc	Chi	30/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.24	Giỏi	
3	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	29/08/1996	Nữ	Quảng Nam	3.40	Giỏi	
4	Nguyễn Việt	Đạt	28/09/1996	Nam	Đà Nẵng	2.90	Khá	
5	Ngô Thị Hồng	Hạnh	12/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.21	Giỏi	
6	Trần Thị Mỹ	Huệ	08/03/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.33	Giỏi	
7	Hoàng Thị Diễm	Hương	02/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.95	Khá	
8	Nguyễn Thị Lan	Hương	31/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.20	Giỏi	
9	Trịnh Thị	Lành	20/11/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.90	Khá	
10	Ngô Thị Cẩm	Linh	30/04/1995	Nữ	Quảng Nam	3.49	Giỏi	
11	Trần Thị Ngọc Trà	My	01/05/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.26	Giỏi	
12	Trần Thị Xuân	Nga	28/04/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.09	Khá	
13	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	28/04/1996	Nữ	Quảng Trị	2.99	Khá	
14	Trần Quỳnh	Nhi	23/10/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.86	Khá	
15	Nguyễn Vũ Thùy	Nhiên	16/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.03	Khá	
16	Trần Thị Mỹ	Nhung	10/02/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.77	Khá	
17	Phan Thị Quỳnh	Như	29/11/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.20	Giỏi	
18	Nguyễn Thị	Ni	30/07/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.57	Giỏi	
19	Tôn Nữ Thị	Nỡ	19/05/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.23	Giỏi	
20	Nguyễn Thị	Phượng	10/10/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.96	Khá	
21	Nguyễn Thị Kim	Phượng	26/05/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.14	Khá	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
22	Trần Huyền Thanh	Tâm	22/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.56	Khá	
23	Nguyễn Thị Vân	Thanh	18/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.35	Giỏi	
24	Phan Thị	Thái	01/08/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.63	Xuất sắc	
25	Lê Thị Phương	Thảo	09/01/1996	Nữ	Quảng Nam	3.10	Khá	
26	Nguyễn Thị	Thảo	22/11/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.67	Xuất sắc	
27	Nguyễn Thị Minh	Thảo	06/06/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.95	Khá	
28	Đặng Thị Anh	Thư	19/02/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.66	Khá	
29	Trần Thị Anh	Thư	20/03/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.22	Giỏi	
30	Trần Thị	Thường	26/02/1995	Nữ	Quảng Trị	3.33	Giỏi	
31	Lê Thị Thủy	Tiên	02/12/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.89	Khá	
32	Lê Thị	Trong	03/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.24	Giỏi	
33	Nguyễn Anh	Tuấn	04/11/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	3.47	Giỏi	
34	Nguyễn Thị	Tuyền	07/07/1996	Nữ	Quảng Trị	3.16	Khá	
35	Nguyễn Thị	Tý	14/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.16	Khá	
36	Trần Đình Ngọc	Huỳnh	15/08/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	2.89	Khá	
37	Phạm Thị Thúy	Kiều	09/01/1996	Nữ	Quảng Trị	3.04	Khá	

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Truyền thông và Marketing du lịch dịch vụ), khóa 2014 - 2018

1	Trần Thị Cẩm	Anh	21/11/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.96	Khá	
2	Nguyễn Thị	Bông	10/06/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.87	Khá	
3	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	02/12/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.13	Khá	
4	Võ Như	Điệp	05/06/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	2.69	Khá	
5	Nguyễn Thị	Gấm	06/10/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.55	Khá	
6	Trần Thị Thu	Hà	10/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.01	Khá	
7	Lê Thị	Huyền	25/02/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.63	Khá	
8	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	03/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.81	Khá	
9	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.66	Khá	
10	Nguyễn Thị Nhật	Linh	19/08/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.52	Khá	
11	Trần Thị Diệu	Linh	23/05/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.68	Khá	
12	Châu Hồ Bích	Ngân	21/02/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.84	Khá	
13	Trần Thị Tuyết	Ngân	03/04/1996	Nữ	Lâm Đồng	2.61	Khá	
14	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	20/01/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.44	Trung bình	
15	Nguyễn Thị Phương	Nhung	29/07/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.73	Khá	
16	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	25/12/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.82	Khá	
17	Nguyễn Đức	Phúc	21/07/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	3.01	Khá	
18	Lê Thị Lam	Phương	28/03/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.91	Khá	
19	Đoàn Thị Kim	Phượng	21/09/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.18	Khá	
20	Lê Nhật	Quang	30/03/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	3.21	Giỏi	
21	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	26/11/1996	Nữ	Nghệ An	3.5	Giỏi	
22	Phan Như	Quỳnh	27/04/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.22	Giỏi	
23	Lê Thị	Thảo	16/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.5	Khá	
24	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24/02/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.14	Khá	
25	Tổng Thị	Thuyền	19/03/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.73	Xuất sắc	
26	Nguyễn Thị Phương	Thủy	12/11/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.72	Khá	
27	Đoàn Thị Thanh	Thủy	05/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.65	Khá	
28	Trần Hồ Thủy	Tiên	26/09/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.85	Khá	
29	Bùi Thị Nha	Trang	14/06/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.43	Trung bình	
30	Đoàn Thị Thanh	Trang	01/12/1996	Nữ	Quảng Bình	2.77	Khá	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
31	Phạm Thị Trang	16/04/1996	Nữ	Quảng Nam	3.41	Giỏi	
32	Trần Thị Trang	12/10/1996	Nữ	Nghệ An	2.95	Khá	
33	Lê Song Cẩm Uyên	14/03/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.94	Khá	
34	Trịnh Thị Uyên	25/06/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.91	Khá	
35	Nguyễn Thị Tường Vân	28/07/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.95	Khá	
36	Sabaithong Kittilatlangsy	01/07/1992	Nữ	Lào	2.3	Trung bình	

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Tổ chức và quản lý sự kiện), khóa 2014 - 2018

1	Nguyễn Huỳnh Thành Đạt	02/10/1996	Nam	Đà Nẵng	2.99	Khá	
2	Hồ Thị Tuyết Giang	20/12/1996	Nữ	Đắk Lắk	2.85	Khá	
3	Trương Thúy Hà	26/11/1996	Nữ	Quảng Nam	2.6	Khá	
4	Hồ Thị Thanh Hiền	02/12/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.58	Khá	
5	Phan Ngọc Hoàng	11/10/1995	Nam	Thừa Thiên Huế	2.73	Khá	
6	Huỳnh Thị Hồng	19/10/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.43	Giỏi	
7	Mai Thị Huê	26/12/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.72	Khá	
8	Lê Thị Ngọc Huyền	07/10/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.61	Khá	
9	Dương Thị Khá	02/03/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.06	Khá	
10	Nguyễn Quang Minh Khoa	24/10/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	2.73	Khá	
11	Trần Thị Lam	01/03/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.54	Khá	
12	Ngô Thị Mộng Lành	07/05/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.68	Khá	
13	Dương Thị Mẫn	20/11/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.81	Khá	
14	Nguyễn Hữu Hoài My	17/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.03	Khá	
15	Dương Triều Nam	02/07/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	2.58	Khá	
16	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	22/03/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.35	Giỏi	
17	Thân Thị Thanh Nhân	07/10/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.1	Khá	
18	Nguyễn Thị Thuý Nhi	14/10/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.07	Khá	
19	Nguyễn Thị Tố Nhi	14/10/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.58	Khá	
20	Trần Thị Lương Nhi	07/06/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.06	Khá	
21	Huỳnh Thị Quỳnh Như	13/11/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.85	Khá	
22	Lê Thị Hoài Như	27/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.82	Khá	
23	Dương Thị Diệu Phương	13/03/1995	Nữ	Quảng Trị	2.82	Khá	
24	Ngô Thị Thanh	20/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.89	Khá	
25	Lê Thị Kim Thảo	12/08/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.7	Khá	
26	Trần Thị Thu Thảo	04/02/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.73	Khá	
27	Nguyễn Thị Diễm Thi	21/11/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.88	Khá	
28	Nguyễn Thị Hồng Thoảng	16/08/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.19	Khá	
29	Mai Anh Thư	19/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.2	Giỏi	
30	Nguyễn Thị Thương	17/09/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.99	Khá	
31	Nguyễn Song Thùy Trang	28/03/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.73	Khá	
32	Dương Thị Bích Trâm	20/08/1996	Nữ	Quảng Nam	2.68	Khá	
33	Nguyễn Thị Tý	07/07/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.63	Khá	
34	Huỳnh Thái Uyên	12/12/1996	Nữ	Quảng Nam	2.8	Khá	
35	Lê Thị Yến Nhi	30/04/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.62	Khá	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại	Ghi chú
-----	-----------	-----------	-----------	----------	-----------------	----------	---------

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị quan hệ công chúng), khóa 2014 - 2018

1	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/07/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.35	Trung bình	
2	Huy Hiệp	25/09/1996	Nam	Quảng Trị	2.96	Khá	
3	Trương Thị Xuân Hồng	06/03/1996	Nữ	Quảng Nam	2.63	Khá	
4	Ông Văn Huy	21/11/1996	Nam	Đà Nẵng	2.65	Khá	
5	Trần Thị Mỹ Nguyên	25/09/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.72	Khá	
6	Nguyễn Thị Thanh Nhân	26/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.45	Trung bình	

Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Thương mại điện tử du lịch dịch vụ), khóa 2014 - 2018

1	Hoàng Nữ Khánh Nhi	10/10/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.35	Trung bình	
2	Trần Thị Bích Phương	18/01/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.71	Khá	
3	Lê Thị Thuý Vy	07/04/1996	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.65	Khá	
4	Hà Thị Uyên Nhi	29/10/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.58	Khá	

Danh sách gồm có 339 sinh viên./.